

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Văn Hoàn;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoài Hiền Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hùng L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Theo văn bản ủy quyền ngày 28-4-2025. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Anh Phan Văn L1, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

+ Chị Hồ Thị Ánh L2, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, anh Võ Hùng L trình bày: Anh có tham gia chơi hui do chị Hồ Thị Ánh L2, anh Phan Văn L1 làm đầu thảo đối với dây hui 2.000.000 đồng, khai ngày 30-9-2022 âm lịch, mỗi tháng mở hui 01 lần, tổng cộng 27 phần, anh tham gia 01

phần và ghi tên C trong danh sách hội. Anh đóng hội sống được 25 kỳ, đến ngày 30-9-2024 thì vợ chồng anh L1, chị L2 ngưng gom hội, hiện đây hội đã mãn. Nhưng từ khi mãn hội đến nay, dù đã đòi nhiều lần nhưng chị L2, anh L1 không giao tiền hội cho anh. Do đó, nay anh yêu cầu anh L1, chị L2 phải liên đới trả cho anh số tiền nợ hội là 50.000.000 đồng.

Bị đơn, chị Hồ Thị Ánh L2, anh Phan Văn L1: Dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị M là đại diện theo ủy quyền của anh Võ Hùng L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây anh L yêu cầu anh Phan Văn L1, chị Hồ Thị Ánh L2 có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền nợ hội là 50.000.000 đồng nhưng nay đồng ý trừ ra 1.000.000 đồng tiền hoa hồng nên chỉ yêu cầu trả 49.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Hùng L khởi kiện yêu cầu chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 phải trả số tiền hội chưa giao, nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “*Hợp đồng góp hội*”. Bị đơn, chị L2, anh L1 cư trú tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Bị đơn, chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Võ Hùng L yêu cầu vợ chồng chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 liên đới trả số tiền nợ hội là 49.000.000 đồng và cung cấp được bản chính giấy hội 2.000.000 đồng, khai ngày 30-9-2022 âm lịch, ghi “Hội của 2 Loa làm chủ”. Theo danh sách hội thể hiện có 27 phần, anh L tham gia chơi 01 phần ghi ở số thứ tự 8 là “Chận” là tên thường gọi của anh L được chính quyền địa phương xác nhận. Anh L xác định danh sách hội do chính chị L2 ghi và phát cho mỗi hội viên 01 tờ để biết người chơi. Vào thời điểm tổ chức chơi hội, anh L không ở cùng xã với anh L1, chị L2 nên khi khai hội anh không có đến mà hàng tháng chị L2 đến nhà thu tiền hội và thông báo cho anh biết mức bỏ hội. Anh L cho

rằng đã đóng hội cho chị L2, anh L1 được 25 kỳ, nên nay đòi lại số tiền hội 50.000.000 đồng, đồng ý trừ ra 1.000.000 đồng tiền hoa hồng là có lợi cho bị đơn. Phía anh L1, chị L2 không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của anh L là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Dây hội đến nay đã mãn nhưng anh L1, chị L2 không cung cấp chứng cứ gì thể hiện đã trả tiền cho anh L và trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng không đến Tòa án để thỏa thuận đã cho thấy các bị đơn không có thiện chí trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh L là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh L không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hùng L.

Buộc chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Võ Hùng L số tiền nợ hội là 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Võ Hùng L được nhận lại 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0002952 ngày 25-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Hồ Thị Ánh L2 và anh Phan Văn L1 phải chịu 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực